

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

NĂNG LỰC SỬ DỤNG THÀNH NGỮ TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ HAI NGÀNH NGÔN NGỮ ANH TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI ĐẶNG NGUYỄN GIANG* - TRƯƠNG THỊ THÚY**

TÓM TẮT: Nội dung bài viết thảo luận về kết quả nghiên cứu của dự án nghiên cứu khảo sát triển khai tại Trường Đại học Lao động - Xã hội. 94 sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh đã tham gia vào dự án nghiên cứu này. Mục đích của dự án là tìm hiểu năng lực sử dụng thành ngữ tiếng Anh của sinh viên. Để đạt được mục đích nghiên cứu, nhóm nghiên cứu đã sử dụng hai loại phiếu khảo sát: (1) phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ, và (2) phiếu sử dụng thành ngữ trong câu. Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có kiến thức khá tốt về thành ngữ với tỉ lệ chính xác trung bình lần lượt là 69,31% và 70,69%. Sinh viên hầu như không gặp khó khăn với thành ngữ cặp và thành ngữ so sánh vì các thành ngữ này có chứa một số thành tố cấu thành hiển ngôn hoặc bán hiển ngôn nên các em có thể suy luận nghĩa thành ngữ và sử dụng với tỉ lệ chính xác cao. Loại thành ngữ mà sinh viên gặp nhiều khó khăn nhất là thành ngữ thường vì các thành tố cấu thành loại thành ngữ này khá mờ và khó suy luận nghĩa thành ngữ. Nghiên cứu này cũng là minh chứng khẳng định khả năng hiểu và sử dụng thành ngữ của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Lao động - Xã hội đáp ứng được yêu cầu và kì vọng của chương trình đào tạo.

TỪ KHÓA: thành ngữ; phân loại thành ngữ; năng lực sử dụng thành ngữ; tầm quan trọng của thành ngữ; sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh.

NHẬN BÀI: 02/11/2023.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 15/01/2024

1. Mở đầu

Chomsky (1965) cho rằng, năng lực ngôn ngữ không phải là một thuật ngữ đánh giá. Đúng hơn, nó đề cập đến kiến thức ngôn ngữ bẩm sinh cho phép một người kết hợp âm thanh và nghĩa. Nói cách khác, năng lực ngôn ngữ cấu thành nên kiến thức về ngôn ngữ, và những kiến thức này là ngầm ẩn. Theo Chomsky (1965), con người không có khả năng tiếp cận một cách có ý thức các nguyên tắc và quy tắc chi phối sự kết hợp giữa âm thanh, từ và câu; tuy nhiên, họ nhận ra khi nào những quy tắc và nguyên tắc đó bị vi phạm. Do đó, năng lực ngôn ngữ của con người cần được xác định bằng năng lực nội tại của cá nhân về sản sinh và thừa nhận ngôn ngữ (Michael, 1992).

Trong lĩnh vực tiếp thu ngôn ngữ thứ hai (second-language acquisition), từ lâu người ta đã giả định năng lực ngôn ngữ cơ bản của người học hoặc người nói ngôn ngữ thứ hai được thể hiện dưới dạng một hệ thống ngôn ngữ phức tạp, thường được gọi là ngữ pháp liên ngôn ngữ (interlanguage grammar) (Selinker, 1972). Quan điểm ngôn ngữ học tổng quát về việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai đưa ra những tuyên bố rõ ràng về bản chất của ngữ pháp liên ngôn ngữ. Trên thực tế, tiếp thu ngôn ngữ thứ hai đề cập đến những gì người học làm; nó không đề cập đến thực tiễn giảng dạy ngôn ngữ, mặc dù việc giảng dạy có thể ảnh hưởng đến việc tiếp thu. Thuật ngữ "tiếp thu" ban đầu được sử dụng để nhấn mạnh bản chất vô thức của quá trình học tập, nhưng trong những năm gần đây, việc học và tiếp thu, về cơ bản, đã trở nên đồng nghĩa với nhau. Ở đây cũng cần lưu ý, ngôn ngữ thứ hai đề cập đến bất kì ngôn ngữ nào được học ngoài ngôn ngữ đầu tiên của một người; mặc dù khái niệm này được đặt tên là tiếp thu ngôn ngữ thứ hai, nhưng nó cũng có thể kết hợp việc học ngôn ngữ thứ ba, thứ tư,...

Tiếp thu từ vựng và cách kết hợp từ là một khía cạnh quan trọng của việc học ngôn ngữ. Người học ngôn ngữ thường ít chú ý đến sự tồn tại của các từ ghép, cụm từ, thành ngữ và coi chúng như những đơn vị riêng biệt, dẫn đến sai sót trong sử dụng và giao tiếp. Thành ngữ là một trong những thành phần chính của kiến thức từ vựng nên không thể phủ nhận tầm quan trọng của chúng đối với việc tiếp thu ngôn ngữ thành công. Theo Cowie và các cộng sự (2009), việc sử dụng chính xác và phù hợp các thành ngữ là một

*TS; Trường Đại học Lao động - Xã hội; Email: dangnguyengiang1979@gmail.com

**Trường Đại học Lao động - Xã hội; Email: truongthuy@ulsa.edu.vn

dấu hiệu phân biệt khả năng sử dụng ngôn ngữ bản địa và là thước đo đáng tin cậy về trình độ thành thạo của người học nước ngoài. Như vậy, việc đánh giá năng lực sử dụng thành ngữ tiếng Anh của sinh viên đang trong quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai là một việc làm cần thiết. Kết quả nghiên cứu giúp đưa ra những thông tin hữu ích cho việc thay đổi phương pháp giảng dạy cũng như chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Lao động - Xã hội.

2. Cơ sở lý luận

2.1. Khái niệm “thành ngữ”

Nunberg và các cộng sự (1994) cho rằng, thành ngữ có vai trò quan trọng trong hệ thống từ vựng đa chiều của một ngôn ngữ, được đặc trưng bởi các thuộc tính ngữ nghĩa, cú pháp, văn điệu, suy luận và tu từ. Do đó, thành ngữ đã được tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau, từ hình thái và tính cố định (đặc điểm cấu trúc hình thái của thành ngữ) đến tính ẩn dụ và mức độ biểu hiện của nghĩa thực từ (các đặc điểm ngữ nghĩa của thành ngữ). Theo đó, các định nghĩa về thành ngữ cũng thay đổi từ tính nguyên mẫu đến tính linh hoạt (Liu, 2003). Dưới đây là một số định nghĩa thành ngữ tiêu biểu:

- “*một nhóm từ có nghĩa cố định và nghĩa này không thể tính được bằng cách cộng nghĩa riêng biệt của các thành tố lại với nhau. Một số thành ngữ hầu như không thể thay đổi. Số khác cho phép thay đổi ở mức hạn chế. Có những thành ngữ cho phép sự chuyển đổi nhất định nhưng số khác thì không*” (Bolinger, 1975, tr.100).

- “*một cụm từ cố định có nghĩa đặc biệt. Chúng ta thường không thể đoán được nghĩa thành ngữ từ nghĩa riêng biệt của các từ cấu thành thành ngữ*” (Longman dictionary of language and culture, 1992, tr.F12).

- “*Nghĩa thành ngữ không phải là chức năng của nghĩa các phần cấu tạo và cách chúng được kết hợp với nhau về mặt cú pháp; thành ngữ là một biểu thức phi kết cấu*” (van der Linden, 1992, tr.223).

- “*một cụm từ hoặc một câu có nghĩa không rõ ràng nếu so với nghĩa của từng từ riêng lẻ và phải được tiếp nhận như một đơn vị tổng thể*” (Hornby, 1995, tr.136).

- “*một đơn vị bền vững có các thành tố cấu thành không thể thay đổi hoặc chỉ thay đổi trong giới hạn xác định. Không có từ nào khác có thể thay thế cho những từ trong kết cấu thành ngữ. Các từ trong thành ngữ thường không thể tái kết hợp lại được*” (Fernando, 1996, tr.30).

Như chúng ta thấy, một số tiêu chí đã được sử dụng để xác định thành ngữ. Tính cố định, tính phi kết cấu và tính quy ước xuất hiện để mô tả đặc điểm của thành ngữ (Moon, 1998). Trên thực tế, thành ngữ mang những đặc điểm điển hình riêng và trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng định nghĩa của Đặng Nguyên Giang (2018). Theo Đặng Nguyên Giang (2018), thành ngữ (i) là một cụm từ có các thành tố cấu thành không thể thay đổi hoặc có thể thay đổi ở một giới hạn nhất định; (ii) được coi là một tổ hợp nghĩa phức với cấu trúc nghĩa đôi có thể phân tích được: nghĩa thực từ và nghĩa thành ngữ dựa trên hình ảnh biểu trưng; (iii) có nghĩa thường khác so với sự kết hợp nghĩa của các thành tố cấu thành nhưng có thể làm tường minh một phần; (iv) thể hiện một khái niệm thuần túy.

2.2. Phân loại thành ngữ

Theo Fernando và Flavell (1981, tr.30), về mặt kết cấu hình thái, thành ngữ được chia thành “hai loại chính, trên thực tế ở một mức độ nào đó vẫn có sự chồng lấn vào nhau: nhóm thành ngữ “hình thức” và nhóm thành ngữ “khái niệm””. Nhóm thành ngữ “hình thức” đề cập đến các thành ngữ có cùng kết cấu cú pháp và ít nhất một mục từ vựng, còn nhóm thành ngữ “khái niệm” bao gồm các cặp thành ngữ như *bury the hatchet* và *take/dig up the hatchet* (hòa giải với ai đó). Về mặt ngữ nghĩa, thành ngữ có bốn loại: tường minh (transparent), bán tường minh (semi-transparent), bán mờ (semi-opaque) và mờ (opaque) (Fernando & Flavell, 1981). Cách phân loại thành ngữ dựa trên bình diện ngữ nghĩa, về cơ bản, phụ thuộc vào nhận thức của mỗi cá nhân với từng thành ngữ riêng biệt nên việc xếp thành ngữ theo từng loại đã phân định còn nhiều tranh luận.

Dựa trên mức độ cao-thấp của tính thành ngữ (idiomaticity), Fernando (1996) chia thành ngữ tiếng Anh thành ba loại: thành ngữ chính danh (pure idioms), thành ngữ bán thực từ (semi-literal idioms) và thành ngữ thực từ (literal idioms). Thành ngữ tiếng Anh cũng có thể được chia thành bốn nhóm dựa trên chức năng biểu đạt: thành ngữ chuyển tải thông tin (informational), thành ngữ đánh giá (evaluative), thành ngữ tình huống (situational), thành ngữ tình thái (modalizing), và thành ngữ tổ chức (organizational)

(Moon, 1998). Theo Seidl & McMordie (1988), thành ngữ tiếng Anh lại có tám loại: các từ khóa với cách sử dụng mang tính thành ngữ (key words with idiomatic uses), thành ngữ với danh từ và tính từ (idioms with nouns and adjectives), các thành ngữ cặp (idiomatic pairs), thành ngữ với giới từ (idioms with prepositions), động từ cụm (phrasal verbs), thành ngữ với động từ (verbal idioms), thành ngữ từ khóa gắn với các danh mục đặc biệt (idioms with key words from special categories), và thành ngữ với cấu trúc so sánh (idioms with comparisons). Đặng Nguyên Giang (2018) cho rằng, cách phân loại thành ngữ của Seidl & McMordie (1988) là khá rườm rà và không dựa trên những tiêu chí nhất quán, và tác giả đã chia thành ngữ tiếng Anh thành ba loại: thành ngữ thường, thành ngữ cặp và thành ngữ so sánh.

2.3. Tầm quan trọng của thành ngữ

Thực tế cho thấy việc học ngoại ngữ theo từng từ riêng lẻ cũng có hạn chế. Người học phải mất rất nhiều thời gian để lục tìm từ trong trí nhớ và đặt thành câu đúng. Vì vậy, học các từ theo nhóm và cách kết hợp các từ với nhau sẽ góp phần phát triển trình độ ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng. Để học một ngôn ngữ thành công, một trong những nội dung quan trọng mà người học phải tiếp thu là hàng loạt các đơn vị ngôn ngữ phức tạp như thành ngữ, cụm từ và từ ghép (Wray, 2000). Ngoài ra, học thành ngữ và các cụm từ đặc biệt còn giúp người học làm quen với văn hóa, phong tục, tập quán của người bản ngữ.

Hoffman (1984) cho rằng người bản xứ nói tiếng Anh ước tính sử dụng khoảng 7.000 thành ngữ mỗi tuần (dẫn theo Lontas, 2017). Từ thực tế này, thành ngữ nên được đưa vào chương trình giảng dạy và phải được giới thiệu cho người học với tần suất sử dụng phù hợp. Đây cũng là chủ đề được các nhà ngôn ngữ học ứng dụng và ngôn ngữ học ngữ liệu đưa ra đề xuất ưu tiên thành ngữ trong việc dạy và học ngôn ngữ (Liu, 2003). Khi thiết kế tài liệu giảng dạy, giáo viên có thể nhóm các thành ngữ theo chủ đề, và điều này tạo ra khả năng ghi nhớ tốt hơn vì các chủ đề này đưa ra một khuôn mẫu và cách tổ chức cho các danh sách ngẫu nhiên giúp người học dễ dàng nắm bắt sâu hơn (Boers, 2000). Ở bất kỳ ngôn ngữ nào cũng có các nhóm thành ngữ liên quan đến thiên nhiên, động vật, bộ phận cơ thể, thể thao, thực phẩm... Việc duy nhất còn lại là giáo viên kiểm tra và quyết định thành ngữ nào trong số các nhóm này được sử dụng thường xuyên nhất. Một cách tiếp cận khác, được gọi là phi ngữ nghĩa trong giảng dạy, là cung cấp từng thành ngữ một cách ngẫu nhiên thông qua các tài liệu. Nattinger và DeCarrico (1992) nhấn mạnh tầm quan trọng của chuỗi các công thức và chỉ ra tính hữu ích của chúng trong việc dạy hội thoại và phát triển khả năng nói trôi chảy. Nâng cao năng lực giao tiếp, sự thành thạo, sự trôi chảy và làm quen với ngôn ngữ đích là những lập luận thuyết phục nhấn mạnh tầm quan trọng của thành ngữ (Schmitt, 2004). Đây là lý do thành ngữ nên được coi là một trong những phần quan trọng nhất trong tài liệu giảng dạy và chương trình đào tạo ngoại ngữ nói chung và tiếng Anh nói riêng.

2.4. Năng lực ngôn ngữ

Năng lực ngôn ngữ liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ thông qua diễn đạt và giải thích các khái niệm, suy nghĩ, cảm xúc, sự kiện và quan điểm để thực hiện thảo luận trực tiếp và bằng văn bản. Những tương tác như vậy có thể diễn ra trong bối cảnh văn hóa, xã hội khác nhau, và điều này sẽ quyết định đặc điểm của ngôn ngữ viết hoặc nói, chẳng hạn như đặc điểm ngữ pháp, diễn ngôn, chiến lược,...

Năng lực ngôn ngữ có mối liên hệ chặt chẽ với năng lực giao tiếp và thậm chí chúng còn được coi là ngang nhau. Trong nghiên cứu khoa học và truyền thông, năng lực ngôn ngữ liên quan đến việc sử dụng ngôn ngữ phù hợp, đặc biệt là ngôn ngữ viết và chúng được đặc trưng bởi: (1) sử dụng đầy đủ ngôn ngữ viết và cấu trúc nội dung; (2) đọc và viết tài liệu khoa học bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của người đọc; và (3) đọc, viết và dịch tài liệu sang các ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ khác, đặc biệt là bằng ngôn ngữ được sử dụng nhiều nhất như tiếng Anh.

Năng lực ngôn ngữ cũng liên quan đến năng lực thông tin, bởi vì việc viết đúng các tài liệu khoa học và mô tả kết quả nghiên cứu đòi hỏi phải thể hiện năng lực tìm kiếm, lựa chọn, biên soạn và xử lý thông tin, được hỗ trợ trong việc hiểu và tạo ra các văn bản khoa học cho nhiều đối tượng khác nhau. Năng lực ngôn ngữ bao gồm một tập hợp các kỹ năng, kiến thức và thái độ có liên quan và hỗ trợ nhau để thực hiện giao tiếp khoa học thành công hướng đến cộng đồng hoặc đối tượng khác nhau (khoa học hoặc công chúng), những người có thể hiểu được ngôn ngữ, kiến thức được truyền đạt và thậm chí sử dụng nó, với điều kiện là chúng được cụ thể hóa một cách chính xác theo quan điểm ngôn ngữ học.

Trong bất kỳ hình thức đào tạo nào, năng lực ngôn ngữ có xu hướng rộng, xuyên suốt, đa mục đích và cơ bản cho mọi cá nhân, chúng cũng là vốn có của mọi nền văn hóa và kỉ luật khoa học. Năng lực này liên quan

nhiều đến các kỹ năng cá nhân khác như đọc, vì ai không đọc sẽ không thể viết được. Năng lực ngôn ngữ cần thiết cho sự tương tác tập thể và sản sinh tri thức của nhiều nhóm người khác nhau, dù là chuyên gia hay công chúng.

Theo Hyme (1972), năng lực ngôn ngữ bao gồm bốn năng lực: ngôn ngữ, ngôn ngữ xã hội, diễn ngôn và chiến lược. Năng lực ngôn ngữ đề cập đến kiến thức về ngữ pháp và từ vựng. Theo truyền thống, việc dạy tiếng Anh tập trung vào các bài tập ngữ pháp máy móc. Vấn đề này bị ảnh hưởng bởi tư tưởng cho rằng ngữ pháp và từ vựng là những khối kiến thức cơ bản của một ngôn ngữ. Đối với sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh ở Việt Nam nói chung và sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Lao động - Xã hội nói riêng, việc phát triển năng lực tiếng Anh không chỉ gắn với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết mà còn gắn với khía cạnh khác của giao tiếp như văn hóa và mối quan hệ giữa các cá nhân. Sau khi tốt nghiệp đại học, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh sẽ có năng lực tiếng Anh bậc 5/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dùng cho Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Trong dự án nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng thông qua cộng cụ thu thập dữ liệu là phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ và phiếu sử dụng thành ngữ trong câu.

3.1. Bối cảnh nghiên cứu

Trường Đại học Lao động - Xã hội chính thức tuyển sinh và đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh từ năm 2022 với quy mô mỗi khóa học khoảng 100 sinh viên hệ chính quy. Sinh viên mỗi khóa được chia thành 3 lớp học. Theo chương trình đào tạo của Trường, sinh viên năm thứ nhất có 16 tín chỉ học kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe, nói, đọc và viết; mỗi kỹ năng được phân bổ 4 tín chỉ), và khi kết thúc năm thứ nhất sinh viên sẽ có năng lực tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dùng cho Việt Nam.

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Trong nghiên cứu này, mẫu nghiên cứu (mẫu phi xác suất) được lựa chọn có chủ đích là 94 sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh ở cả ba lớp học. Thời điểm khảo sát vào đầu học kỳ I, năm học 2023-2024, khi sinh viên đã hoàn thành hai kỳ học trong chương trình đào tạo. 94 sinh viên tình nguyện tham gia vào dự án nghiên cứu. Về mặt lý thuyết, sinh viên năm thứ hai, với năng lực tiếng Anh bậc 3/6, đủ khả năng nhận biết và sử dụng thành ngữ trong giao tiếp.

3.3. Công cụ thu thập dữ liệu

Công cụ thu thập dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu này là phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ (hoạt động 1) và phiếu sử dụng thành ngữ trong câu (hoạt động 2).

3.3.1. Phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ

Nhóm nghiên cứu đã thiết kế phiếu gồm 20 thành ngữ thuộc các loại thành ngữ khác nhau (thành ngữ cặp, thành ngữ thường và thành ngữ so sánh). Các thành ngữ này được chọn từ Từ điển thành ngữ tiếng Anh (Oxford dictionary of English idioms) của Cowie và các cộng sự (2009). Phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ gồm hai cột: cột thứ nhất là 20 thành ngữ tiếng Anh; cột thứ hai để trống để sinh viên đưa ra nghĩa của thành ngữ (sinh viên có thể đưa ra nghĩa thành ngữ bằng tiếng Anh hoặc tiếng Việt). Sinh viên có 20 phút để hoàn thành phiếu này. Nội dung phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ được cụ thể trong Bảng 1.

Bảng 1. Phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ

TT	Thành ngữ	Nghĩa thành ngữ	TT	Thành ngữ	Nghĩa thành ngữ
1	<i>hit the hay</i>		11	<i>know one's onions</i>	
2	<i>as cool as a cucumber</i>		12	<i>die like flies</i>	
3	<i>spill the beans</i>		13	<i>hit and miss</i>	
4	<i>black and white</i>		14	<i>in a nutshell</i>	
5	<i>paint the town red</i>		15	<i>body and soul</i>	
6	<i>see red</i>		16	<i>bring home the bacon</i>	
7	<i>slow but sure</i>		17	<i>like a cat on hot bricks</i>	
8	<i>go bananas</i>		18	<i>free with one's money</i>	
9	<i>like a duck to water</i>		19	<i>as cute as a button</i>	
10	<i>kick the bucket</i>		20	<i>a child in such matters</i>	

3.3.2. Phiếu sử dụng thành ngữ trong câu

Để kiểm tra năng lực sử dụng thành ngữ trong thực tế, nhóm tác giả đưa ra phiếu sử dụng thành ngữ với 20 câu khuyết thông tin để sinh viên hoàn thành. Mỗi câu khuyết thông tin cần một thành ngữ phù hợp để đưa ra nội dung hoàn chỉnh. Sinh viên sẽ lựa chọn thành ngữ ở phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ để điền vào các câu khuyết thông tin này (xem Bảng 2). Sinh viên cũng có 20 phút để hoàn thành phiếu này.

Bảng 2. Phiếu sử dụng thành ngữ trong câu

TT	Thành ngữ	Thành ngữ trong câu
1	<i>hit the hay</i>	Disarmament isn't a _____ issue for me.
2	<i>as cool as a cucumber</i>	He took to fatherhood _____.
3	<i>spill the beans</i>	The trains are often late, so getting to work on time is a fairly _____ affair.
4	<i>black and white</i>	I have a busy day tomorrow, so I think I'll _____.
5	<i>paint the town red</i>	If you want to know about the pros and cons of GMO, ask William. He really _____. It's a field which he's expert in.
6	<i>see red</i>	My husband has had to _____ ever since I lost my job.
7	<i>slow but sure</i>	She walked in _____, as if nothing had happened.
8	<i>go bananas</i>	I don't want the long version – just tell me what your point is _____.
9	<i>like a duck to water</i>	I'm sorry to hear that your grandfather has _____.
10	<i>kick the bucket</i>	He's _____ before a game.
11	<i>know one's onions</i>	So who _____ spilled about her affair with David?
12	<i>die like flies</i>	The gang tried to _____ us _____ but we didn't want to fight.
13	<i>hit and miss</i>	Bob's progress on his novel was _____.
14	<i>in a nutshell</i>	The heat was overwhelming and people were _____.
15	<i>body and soul</i>	Her happy pill is her 5-year-old Corgi, who is _____.
16	<i>bring home the bacon</i>	I'm ready to _____ with a few of my closest friends.
17	<i>like a cat on hot bricks</i>	The kids are always _____ after sleeping.
18	<i>egg someone on</i>	People who don't finish a job really make me _____.
19	<i>as cute as a button</i>	She'll _____ when you tell her the news.
20	<i>full of beans</i>	His wages are barely enough to keep _____ together.

3.4. Quy trình thu thập và phân tích dữ liệu

Quy trình thu thập dữ liệu gồm hai bước:

Bước 1: Nhóm nghiên cứu phát phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ cho 94 sinh viên, hướng dẫn đưa ra nghĩa thành ngữ cho từng thành ngữ. Sinh viên được hướng dẫn khoảng 5 phút về cách hoàn thành phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ.

Bước 2: Sinh viên nhận phiếu sử dụng thành ngữ trong câu sau khi hoàn thành phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ. Nhóm nghiên cứu hướng dẫn sinh viên cách hoàn thành phiếu này trong khoảng 5 phút.

Sau khi khảo sát, nhóm nghiên cứu thu về 188 phiếu (94 phiếu cung cấp nghĩa thành ngữ và 94 phiếu sử dụng thành ngữ trong câu). Toàn bộ phiếu khảo sát hợp lệ. Dữ liệu định lượng này được nhập vào Excel. Các câu trả lời của sinh viên trong phiếu khảo sát được nhập theo số lượng sinh viên, chuyển thành tỉ lệ phần trăm và được hiển thị dưới dạng bảng. Số liệu được phân tích và thảo luận kĩ lưỡng trước khi đưa ra các kết luận.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Trong hoạt động 1, sinh viên cung cấp nghĩa cho 20 thành ngữ tiếng Anh theo sự hiểu biết của mình. Kết quả khảo sát từ Bảng 3 cho thấy sinh viên khá thành công khi đưa ra các câu trả lời vì tỉ lệ chính xác ở mức khá (69,31%). Sinh viên hầu như không gặp khó khăn khi đưa ra nghĩa của các thành ngữ so sánh: *as cool as a cucumber* (88,30%); *like a duck to water* (96,81%); *die like flies* (94,68%); *like a cat on hot bricks* (93,62%); *as cute as a button* (93,62%). Đây là loại thành ngữ có nội dung so sánh hiển ngôn nên sinh viên hầu như không gặp khó khăn khi đưa ra nghĩa của những thành ngữ này. Sinh viên gặp đôi chút khó khăn với thành ngữ cặp *hit and miss* (36,17%) vì các thành tố cấu thành thành ngữ khá mờ. Thành ngữ thường là loại thành ngữ gây khó khăn nhiều nhất cho sinh viên với tỉ lệ câu trả lời chính xác khá thấp: *kick the bucket* (35,11%); *hit the hay* (38,30%); *spill the beans* (42,55%); *paint the town red* (51,06%); *go bananas* (48,94%); *bring home the bacon* (47,87%); *full of beans* (36,17%)... Kết quả khảo sát này khá sát với thực tế là các thành tố cấu thành thành ngữ thường hầu như mờ. Mặc dù vậy, có những thành ngữ thường khá hiển ngôn và quen thuộc như *in a nutshell* nên 100% sinh viên đưa ra nghĩa đúng cho thành ngữ này. Nhìn chung, sinh viên thể hiện kiến thức thành ngữ ở mức độ khá trong hoạt động đầu tiên. Kết quả này phù hợp với năng lực tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dùng cho Việt Nam khi sinh viên kết thúc năm học thứ nhất, đáp ứng yêu cầu và kì vọng của chương trình đào tạo.

Bảng 3. Sự chính xác trong hoạt động 1 và 2

TT	Thành ngữ	Sự chính xác trong hoạt động 1		Sự chính xác trong hoạt động 2	
		Số lượng sinh viên trả lời đúng	%	Số lượng sinh viên trả lời đúng	%
1	<i>hit the hay</i>	36	38,30	41	43,62
2	<i>as cool as a cucumber</i>	83	88,30	85	90,43
3	<i>spill the beans</i>	40	42,55	43	45,74
4	<i>black and white</i>	85	90,43	87	92,55
5	<i>paint the town red</i>	48	51,06	52	55,32
6	<i>see red</i>	62	65,96	67	71,28
7	<i>slow but sure</i>	94	100,00	92	97,87
8	<i>go bananas</i>	46	48,94	50	53,19
9	<i>like a duck to water</i>	91	96,81	92	97,87
10	<i>kick the bucket</i>	33	35,11	37	39,36
11	<i>know one's onions</i>	77	81,91	79	84,04
12	<i>die like flies</i>	89	94,68	86	91,49
13	<i>hit and miss</i>	34	36,17	42	44,68
14	<i>in a nutshell</i>	94	100,00	87	92,55
15	<i>body and soul</i>	69	73,40	73	77,66
16	<i>bring home the bacon</i>	45	47,87	48	51,06
17	<i>like a cat on hot bricks</i>	88	93,62	81	86,17
18	<i>egg someone on</i>	67	71,28	70	74,47
19	<i>as cute as a button</i>	88	93,62	84	89,36
20	<i>full of beans</i>	34	36,17	38	40,43
Trung bình		65,15	69,31	66,70	70,96

Ở hoạt động 2, sinh viên sử dụng thành ngữ trong hoạt động 1 để điền vào các câu khuyết thông tin (mỗi thành ngữ sẽ ứng với một câu). Bảng 3 cho thấy kết quả thu được của hoạt động 2 cao hơn một chút so với hoạt động 1 với tỉ lệ trả lời đúng trung bình là 70,96%. Đúng như dự đoán, khi các thành ngữ đã được làm quen và khu biệt, xác suất sinh viên đưa ra câu trả lời đúng sẽ cao hơn. Trong hoạt động 1, hầu hết sinh viên gặp khó khăn với loại thành ngữ thường nhưng sang hoạt động 2 những khó khăn này đã giảm bớt khi tỉ lệ sinh viên điền đúng thành ngữ vào câu cao hơn: *kick the bucket* (39,36%); *hit the hay* (43,62%); *spill the beans* (45,74%); *paint the town red* (55,32%); *go bananas* (53,19%); *bring home the bacon* (51,06%); *full of beans* (40,43%)... Mặc dù hầu như không gặp khó khăn với thành ngữ cặp và thành ngữ so sánh trong hoạt động 2, tỉ lệ trả lời đúng của sinh viên ở một số thành ngữ trong hoạt động 2 lại thấp hơn hoạt động 1 như *die like flies* (91,49%) và *as cute as a button* (89,36%). Trong hoạt động 1, có hai thành ngữ (*slow but sure* và *in a nutshell*) được sinh viên đưa ra nghĩa đúng 100%. Tuy nhiên, không có thành ngữ nào có tỉ lệ trả lời đúng 100% trong hoạt động 2.

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 cũng cho thấy mối tương quan tích cực giữa hoạt động 1 và hoạt động 2. Những sinh viên không biết nghĩa thành ngữ ở hoạt động 1 sẽ có khả năng mắc lỗi tương tự khi sử dụng trong thực tế tình huống (trong câu) ở hoạt động 2. Nguyên nhân là sinh viên chưa được tiếp xúc hoặc tiếp xúc chưa đủ nhiều để có thể sử dụng thành ngữ một cách chính xác, và như vậy những thành ngữ này nên được luyện tập và giảng dạy nhiều hơn trong tương lai. Trong tất cả các thành ngữ được giới thiệu, thành ngữ *in a nutshell* có các thành tố không hiển ngôn nhưng 100% sinh viên hiểu đúng nghĩa và sử dụng đúng với tỉ lệ cao (92,55%). Trên thực tế, thành ngữ này xuất hiện và được sử dụng khá thường xuyên. Đây là lí do sinh viên không gặp khó khăn khi sử dụng thành ngữ này. Vì vậy, một trong những phương pháp dạy thành ngữ hiệu quả là cho sinh viên tiếp xúc và sử dụng chúng với tần suất cao và sắp xếp chúng theo các chủ đề khác nhau được truyền tải theo nghĩa của chúng. Nhìn chung, sinh viên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Lao động - Xã hội có thái độ tích cực với việc học tiếng Anh nói chung và thành ngữ nói riêng nên nhiệm vụ của giảng viên là thường xuyên giới thiệu thành ngữ và tìm ra những tài liệu phù hợp nhất với mong muốn và nhu cầu của sinh viên.

5. Kết luận

Mục đích của nghiên cứu là xác định xem sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Lao động - Xã hội có quen thuộc với các thành ngữ hay không, tức là kiểm tra xem các em có thể đưa ra nghĩa của các thành ngữ và sử dụng chúng trong câu hay không. Kết quả cho thấy sinh viên có kiến thức khá tốt về thành ngữ với tỉ lệ chính xác trung bình lần lượt là 69,31% và 70,69%. Sinh viên hầu như không gặp khó khăn với thành ngữ cặp và thành ngữ so sánh vì các thành ngữ này có chứa một số thành tố cấu thành hiển ngôn hoặc bán hiển ngôn nên các em có thể suy luận nghĩa thành ngữ và sử dụng với tỉ lệ chính xác cao. Loại thành ngữ mà sinh viên gặp nhiều khó khăn nhất là thành ngữ thường vì các thành tố cấu thành loại thành ngữ này khá mờ và khó suy luận nghĩa thành ngữ. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy kể cả những thành ngữ có các thành tố hoàn toàn mờ nhưng nếu được giới thiệu và sử dụng thường xuyên thì sinh viên cũng không hề gặp khó khăn.

Nghiên cứu này cũng là minh chứng khẳng định khả năng hiểu và sử dụng thành ngữ của sinh viên năm thứ hai ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường Đại học Lao động - Xã hội đáp ứng được yêu cầu và kì vọng của chương trình đào tạo - khi hoàn thành năm học đầu tiên sinh viên sẽ có năng lực tiếng Anh bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ sáu bậc dùng cho Việt Nam. Đây là cơ sở để tiến tới đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy tầm quan trọng của thành ngữ trong giảng dạy tiếng Anh. Vì vậy, tài liệu giảng dạy trong chương trình đào tạo nên chứa nhiều thành ngữ hơn và cần đặc biệt chú trọng đến việc sử dụng chúng một cách tích cực vì các tài liệu này sẽ giúp người học cải thiện khả năng trôi chảy, đặc biệt là trong ngôn ngữ nói, để tiệm cận với năng lực ngôn ngữ của người bản xứ. Dùng thành ngữ trong giao tiếp giúp người học ngoại ngữ có thể diễn đạt những suy nghĩ rất phức tạp chỉ bằng rất ít từ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Boers, F. (2000), Metaphor awareness and vocabulary retention. *Applied Linguistics*, 21(4), 553-571.

2. Bolinger, D. (1975), *Aspects of language (2nd ed.)*. Harcourt Brace Jovanovich, Inc.
3. Chomsky, N. (1965), *Aspects of the theory of syntax*. MIT Press.
4. Cowie, A. P. et al. (2009), *Oxford dictionary of English idioms*. Oxford University Press.
5. Fernando, C., & Flavell, R. (1981), *On idiom: critical views and perspectives (Exeter Linguistics Studies, 5)*. University of Exeter.
6. Fernando, C. (1996), *Idioms and Idiomaticity*. Oxford University Press.
7. Giang, D. N. (2018), *Idioms in English and Vietnamese*. VNU Publishing House.
8. Hornby, A.S. (1995), *Oxford advanced learner's dictionary*. OUP.
9. Hymes, D. H. (1972), *On communicative competence*. In J.B. Pride & J. Holmes (Eds), *Sociolinguistics: Selected readings* (pp. 269-293). Penguin.
10. Lontos, J. I. (2002), Exploring second language learners' notions of idiomaticity. *System*, 30, 289-313.
11. Liu, D. (2003), The most frequently used spoken American English idioms: A corpus analysis and its implications. *TESOL Quarterly*, 37(4), 671-700.
12. *Longman dictionary of language and culture*. (1992). Longman.
13. Michael, B. K. (1992), *Grammars and grammaticality*. John Benjamins.
14. Moon, R. (1998), *Fixed expressions and idioms in English: A corpus-based approach*. Clarendon Press.
15. Nattinger, J. R., & DeCarrico, J. S. (1992), *Lexical phrases and language teaching*. Oxford University Press.
16. Nunberg, G. et al. (1994), Idioms. *Language*, 70, 491-538.
17. Seidl, J. & McMordie, W. (1988), *English idioms*. OUP.
18. Selinker, L. (1972), Interlanguage. *Product Information International Review of Applied Linguistics in Language Teaching*, 10, 209-241. <http://dx.doi.org/10.1515/iral.1972.10.1-4.209>.
19. Schmitt, N. (2004), *Formulaic sequences: Acquisition, processing, and use (Vol. 9)*. John Benjamins.
20. van der Linden, E. (1992), Incremental processing and the hierarchical lexicon. *Computational Linguistics*, 18, 219-238.
21. Wray, A. (2000), Formulaic sequences in second language teaching: Principle and practice. *Applied Linguistics*, 21(4), 463-489. <https://doi.org/10.1093/applin/21.4.463>.

Idiomatic competence of the second-year students majoring in English language at University of Labour and Social Affairs

Abstract: The paper is about a survey research project conducted at University of Labour and Social Affairs. The participants of the study were 94 second-year students majoring in English language. The aim of the study is to uncover the second-year students' idiomatic competence. In order to achieve the aim, two kinds of survey sheets have been used in the present study to gather the data: (1) sheets of idioms and their meanings, and (2) sheets of idioms in sentences. The results revealed that students possess quite good knowledge of idioms, with accuracy percentages of 69.31% and 70.69%, respectively. Students have almost no difficulty using idioms with pairs and idioms with comparisons because these idioms contain a number of transparent or semi-transparent constituents; therefore, they are able to infer the idiomatic meanings and use them with a high accuracy rate. The idioms that students have the most difficulty with are those with ordinary rules, since the components that make up these idioms are quite opaque and it is difficult to deduce the idiomatic meanings. This study is also proof that the ability to understand and use idioms of second-year students majoring in English language at University of Labour and Social Affairs meets the requirements and expectations of the training program.

Key words: idioms; classification of idioms; idiomatic competence; importance of idioms; students majoring in English language.